

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST

Ngày: 18/02/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huệ;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Khánh và ông Trần Xuân H

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bạch Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Việt - Kiểm sát viên.

Vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2021/TLST- HS, ngày 26/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/HSST – QĐ ngày 18/01/2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB – TA ngày 08/02/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Thị T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ. Sinh ngày 06/3/1989 tại xã Thạch Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 2, thị trấn Thạch H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Con ngoài giá thú; Con bà Đặng Thị P, sinh năm 1965; Hiện sinh sống tại thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh, chị, em ruột: Có 2 người, bị cáo là con thứ nhất. Chồng: Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1987; Hiện sinh sống và lao động tự do tại thị trấn Thạch H, huyện H. Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/9/2021 cho đến nay tại thị trấn Thạch H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)

2. Họ và tên: Nguyễn Kim Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 15/6/1987 tại thị trấn Thạch H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 2, thị trấn Thạch H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Kim C, sinh năm 1955; Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; Hiện sinh sống và làm ruộng tại thị trấn Thạch H, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Anh, chị, em ruột: Có 3 người, bị cáo là con thứ nhất. Vợ: Đặng Thị T, sinh năm 1989; Hiện sinh sống và lao động tự do tại thị trấn Thạch H, huyện H. Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp

dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/9/2021 cho đến nay tại thị trấn Thạch H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)

Người bào chữa cho hai bị cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc. Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

Người bị hại:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 27/5/1988. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trú tại: Thôn Văn T, xã Đại Đ, huyện Thanh C, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

- Ông Nguyễn Tài H, sinh ngày 28/8/1991. Trú tại: : Thôn Văn T, xã Đại Đ, huyện Thanh C, tỉnh Nghệ An (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Khắc K, sinh ngày 02/4/1992. Trú tại: SN 03, ngách 10A, ngõ 11, đường Trần P, thành phố H(vắng mặt).

- Ông Nguyễn Tất U, sinh năm 1955. Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn Thạch H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Thị T và chồng là Nguyễn Kim Đ cùng làm nghề kinh doanh, buôn bán nhiều mặt hàng khác nhau và phải vay mượn tiền của một số cá nhân và ngân hàng. Do làm ăn thua lỗ nên đến cuối năm 2019, vợ chồng T và Đ đã mất khả năng chi trả các khoản nợ. Vì vậy, Đặng Thị T gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988, trú tại xã Đại Đ, huyện Thanh C, tỉnh Nghệ An (là bạn học của T hồi phổ thông) để hỏi vay tiền của chị L với mục đích để trả nợ cho người khác. T nói dối với chị L là C mượn số tiền 200.000.000 đồng để kinh doanh, buôn bán. Để tạo lòng tin đối với chị L, T nói dối với chị L là sẽ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất mà vợ chồng T, Đ đã bán cho ông Trần Huy T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980 cùng ở phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh vào tháng 5/2019 (đã Hn thiện các thủ tục chU nhượng quyền sử dụng đất), đồng thời T hứa hẹn với chị L là trong vòng 02 tháng sau khi nhận tiền, nếu T không trả lại tiền thì sẽ làm thủ tục chU nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên cho vợ chồng chị L.

Sau khi chị L đồng ý sẽ cho vay tiền, T đã bàn bạc với chồng mình là Nguyễn Kim Đ về việc giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa dối chị L với mục đích vay tiền. Đặng Thị T lên mạng xã hội thuê người có tài khoản Facebook “Thành Lộc” (T không biết người này là ai, ở đâu) làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đã bán cho người khác trước đó với giá 8.500.000 đồng. Đặng Thị T đã chụp và gửi ảnh bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đã chU nhượng cho ông T, bà N gửi cho người có tài khoản Facebook “Thành Lộc”. Khoảng 01 tuần sau, theo sự hướng dẫn của tài khoản Facebook “Thành Lộc”, T đã đón xe khách Bắc - Nam, gặp phụ xe nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và thanh toán tiền cho phụ xe với số tiền 8.500.000 đồng.

Để tạo lòng tin với vợ chồng chị L, T và Đ đã đến Văn phòng công chứng Hồng Lam, có địa chỉ ở số 160, đường Lê D, phường Hà Huy T, thành phố Hà Nội hợp đồng chU nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên cho chị Nguyễn

Thị L và anh Nguyễn Tài H (chồng chị L). Do không phát hiện được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là giả nên Văn phòng công chứng Hồng Lam đã làm thủ tục chứng nhận hợp đồng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng T và vợ chồng chị L, trong bản hợp đồng đều có chữ ký và điếm chỉ của Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ (hợp đồng có đóng dấu treo của Văn phòng công chứng, chưa được chứng thực vì chưa có chữ ký của người mua).

Khoảng tháng 01/2020, Đặng Thị T cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và hợp đồng chU nhượng quyền sử dụng đất nói trên đến nhà chị L ở xã Đại Đ, huyện Thanh C, tỉnh Nghệ An để vay tiền. Khi gặp chị L và anh H, T đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và hợp đồng chU nhượng quyền sử dụng đất cho chị L giữ và được anh Nguyễn Tài H đưa cho số tiền 200.000.000 đồng và thỏa thuận trong vòng 02 tháng nếu không trả được số tiền đã vay thì vợ chồng T phải chU nhượng quyền sử dụng đất cho chị L và anh H. Sau khi nhận được số tiền nói trên, T và Đ sử dụng trả nợ các khoản vay trước đó cho những người khác và sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Tháng 6/2020, đã quá hạn việc trả số tiền đã vay nên chị L, anh H yêu cầu T và Đ làm thủ tục chU nhượng quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận. Do chưa có tiền và lo sợ bị phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên vợ chồng T tiếp tục xin khất nợ và hoãn việc đưa hồ sơ lên văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất để Hn tắt việc chU nhượng, đồng thời hứa hẹn, xin thêm thời gian để trả nên vợ chồng chị L đồng ý.

Đến ngày 17/8/2020, do T và Đ không thực hiện việc trả tiền nên vợ chồng chị Nguyễn Thị L đã đến văn phòng công chứng Hồng Lam Hn thiện thủ tục chU nhượng và đưa toàn bộ hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Thạch Hà - Lộc Hà để làm thủ tục chU quyền sử dụng đất. Qua kiểm tra hồ sơ xác định thửa đất nói trên đã được vợ chồng Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ chU nhượng cho người khác vào tháng 5/2019 còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng T đưa cho chị L nghi vẫn là giả nên Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Thạch Hà - Lộc Hà đã chU cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định số 153/PC09-KTHS ngày 11/9/2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BI-161104 đứng tên ông Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1987, CMND số 138605811 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, CMND số 183749635, đều có địa chỉ thường trú: thị trấn Thạch H, huyện Thạch Hà (lý hiệu: A) là giả.

Ngày 23/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà ra Quyết định Trưng cầu giám định bổ sung số 02,03/CSĐT gửi đến Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh để giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên hợp đồng chU nhượng quyền sử dụng đất của Nguyễn Kim Đ và Đặng Thị T chU nhượng cho anh Nguyễn Tài H và chị Nguyễn Thị L có phải là chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của Nguyễn Kim Đ và Đặng Thị T không? Tại Bản kết luận giám định số 171/PC09-KTHS ngày 02/10/2020 và 172/PC09-KTHS ngày 01/10/2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận: Chữ viết chữ ký trên bản hợp đồng chU

nhượng quyền sử dụng đất là do Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ viết. Dấu vân tay trên hợp đồng chU nhượng quyền sử dụng đất trùng với vân tay ngón trỏ phải của Đặng Thị T và vân tay ngón trỏ phải của Nguyễn Kim Đ.

Trên cơ sở cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà, tại Bản án số 49/2020/HSST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà đã xét xử bị cáo Đặng Thị T 6 tháng tù; Nguyễn Kim Đ 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đặng Thị T kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh kháng nghị.

Tại bản án phúc thẩm số 90/2021/HSPT ngày 29/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã nhận định: Ngoài hành vi phạm tội đã bị xét xử thì hành vi của Đặng Thị T, Nguyễn Kim Đ dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tài H đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Cấp sơ thẩm chỉ truy tố và xét xử các bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” mà không xem xét trách nhiệm hình sự với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là bỏ lọt tội phạm. Vì vậy, bản án phúc thẩm đã quyết định hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Quá trình điều tra lại, tại cáo trạng số 60/CT-VKS-TH, ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố các bị cáo Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 và điểm b khoản 3 điều 341 Bộ luật hình sự.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI-161104, mang tên Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1987, CMND số 183605811; Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, CMND số: 183749635, của thửa đất số 1403 tờ bản đồ số 16, địa chỉ xứ Đồng C, thị trấn Thạch H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- 01 hợp đồng chU nhượng quyền sử dụng đất của Nguyễn Kim Đ và Đặng Thị T chU nhượng cho Nguyễn Tài H và Nguyễn Thị L, có xác nhận của Văn phòng công chứng Hồng Lam, Hà Tĩnh.

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI-161104, mang tên Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1987, CMND số: 183605811 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, CMND số 183749635 đều thường trú tại thị trấn Thạch H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, đã được UBND huyện Thạch Hà đóng dấu “Đã thu hồi”.

Ngày 23/10/2020, xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà đã trả lại: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI-161104, mang tên Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1987, CMND số: 183605811 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, sinh năm 1989, CMND số 183749635 đều thường trú tại thị trấn Thạch H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, đã được UBND huyện Thạch Hà đóng dấu “Đã thu hồi” cho Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hà Tĩnh, chi nhánh Thạch Hà - Lộc Hà. Các vật chứng còn lại được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà chU theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ đã chủ động bồi thường cho các bị hại chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Tài H số tiền 200 triệu đồng. Chị L và anh H đã nhận đủ số tiền không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 54, 38, 58 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Đặng Thị T mức án từ 5 năm 6 tháng đến 6 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 38, 58 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Đặng Thị T từ 3 năm 3 tháng đến 3 năm 6 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 8 năm 9 tháng đến 9 năm 6 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 54, 38, 58 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim Đ mức án từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 38, 58 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Kim Đ từ 3 năm đến 3 năm 3 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 7 năm đến 7 năm 9 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Miễn hình phạt phổ sung là hình phạt tiền đối với hai tội cho các bị cáo.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Thị Ngọc phát biểu quan điểm bào chữa cho các bị cáo Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ với nội dung: Nhất trí với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát từ việc nợ nần quá nhiều, không có ý thức chiếm đoạt từ trước. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục thiệt hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Mặt khác, gia đình bị cáo có Hn cảnh rất khó khăn, 3 con còn nhỏ. Việc cả hai bị cáo đều phải chấp hành án sẽ rất khó khăn cho các cháu. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điều 54 BLHS cho các bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay, bị hại cho rằng hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá cao. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Lời nói sau cùng các bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm và rất hối hận về hành vi phạm tội của mình; bị cáo mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để được sớm trở về với xã hội, chăm sóc các con còn nhỏ dại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của quyết định và hành vi của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra huyện Thạch Hà, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng; các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Vì vậy, HĐXX khẳng định quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận giám định, vật chứng thu được, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở khẳng định:

Do việc kinh doanh làm ăn thua lỗ và để có tiền trả nợ cho một số cá nhân và ngân hàng đã đến hạn thanh toán nên cuối năm 2019, Đặng Thị T đã hỏi vay số tiền hai trăm triệu đồng của vợ chồng chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988 và anh Nguyễn Tài H, sinh năm 1991 (trú tại thôn Đại Đ, huyện Thanh C, tỉnh Nghệ An). Vợ chồng chị L, anh H đồng ý cho T vay với điều kiện phải thế chấp thửa đất thuộc sở hữu của vợ chồng Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ nhưng không biết đã được bán trước đó. Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ thống nhất lên mạng xã hội Facebook tìm và liên lạc với một tài khoản có tên “Thành Lộc” và thuê người này làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đã bán trước đó. Để tạo lòng tin, vợ chồng T đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến Văn phòng Công chứng Hồng Lam, tại thành phố Hà Nội hợp đồng chU nhượng thửa đất này cho vợ chồng chị L, anh H. Sau đó, Đặng Thị T đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cùng hợp đồng chU nhượng thửa đất này cho vợ chồng chị L, anh H để lừa dối chiếm đoạt số tiền hai trăm triệu đồng.

Hành vi trên của Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 3, điều 174 và điểm b, khoản 3, điều 341 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo luôn tự nguyện, trung thực và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1, điều 51 BLHS. Ngoài

ra, người bị hại trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo thuộc hộ cận nghèo năm 2022 của thị trấn Thạch H, huyện Thạch Hà nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc thực hiện hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vì hám L nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính thuộc lĩnh vực quản lý và sử dụng giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức, gây mất trật tự trị an tại địa phương, mà còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó Đặng Thị T đóng vai trò là người khởi xướng cũng là người thực hành; Nguyễn Kim Đ đóng vai trò là người giúp sức.

Nguyên nhân, động cơ và điều kiện dẫn đến việc Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ có hành vi sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là do quá trình kinh doanh, buôn bán bị thua lỗ, số tiền vay nợ lên cao, không có khả năng thanh toán nên L dụng mối quan hệ bạn bè thân thiết để sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức lừa dối để chiếm đoạt tài sản.

Do đó C áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên quá trình lượng hình cũng C xem xét đến vị trí, vai trò của các bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, Hn cảnh gia đình của các bị cáo để có mức hình phạt tương xứng, vừa đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với Đặng Thị T là người khởi xướng vừa là người thực hành nên C xét xử bị cáo bằng một bản án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để nhằm răn đe, giáo dục bị cáo, cũng như để phòng ngừa, giáo dục chung là C thiết.

Đối với Nguyễn Kim Đ có mối quan hệ là chồng của bị cáo Đặng Thị T. Mặc dù Đ không tham gia vào việc trực tiếp vay tiền, việc nhờ người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng với vai trò là một người chồng, trụ cột trong gia đình, biết việc làm của vợ nhưng không phản đối mà còn đồng tình theo nên bị cáo Đ vẫn phải chịu trách nhiệm cùng với Đặng Thị T. Xét thấy bị cáo Nguyễn Kim Đ tham gia với vai trò giúp sức, không có tình tiết tăng nặng, trong khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, vì vậy C có mức án dành cho bị cáo Đ nhẹ hơn cũng đủ đảm bảo tính răn đe, giáo dục vừa đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Từ trước đến nay, cả hai bị cáo chưa có hành vi vi phạm pháp luật gì, Hn cảnh gia đình rất khó khăn, là hộ cận nghèo của thị trấn Thạch H, 3 con còn nhỏ không có người chăm sóc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy C áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với hai bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Mặt khác, đối với tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức, bị cáo Nguyễn Kim Đ phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chỉ là người giúp sức, vai trò không đáng kể, Hn cảnh gia đình khó khăn, việc bị cáo và vợ là Đặng Thị T cùng phải đi chấp hành án trong một thời gian dài ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của 3 con còn nhỏ dại, không có người chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy C áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS cho bị cáo Nguyễn Kim Đ được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật thể hiện tính nhân văn của pháp luật.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền. Xét thấy các bị cáo có Hn cảnh gia đình khó khăn, nuôi 03 con còn nhỏ, không có nghề nghiệp ổn định, do đó C miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã chủ động trả lại toàn bộ số tiền 200.000.000đ cho bị hại. Chị L và anh H đã nhận đủ số tiền không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Xét vật chứng gồm: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI-161104, mang tên Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1987, CMND số 183605811; Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, CMND số 183749635, của thửa đất số 1403 tờ bản đồ số 16, địa chỉ xứ đồng Đồng Chợ, thị trấn Thạch H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. 01 hợp đồng chU nhượng quyền sử dụng đất của Nguyễn Kim Đ và Đặng Thị T chU nhượng cho Nguyễn Tài H và Nguyễn Thị L, có xác nhận của Văn phòng Công chứng Hồng Lam, tỉnh Hà Tĩnh. Đây là những chứng cứ chứng minh trực tiếp hành vi phạm tội của bị cáo nên đã được đánh số bút lục chU theo hồ sơ vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

Còn đối với vật chứng là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI-161104, mang tên Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1987, CMND số 183605811; Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, CMND số: 183749635, của thửa đất số 1403 tờ bản đồ số 16, địa chỉ xứ đồng Đồng Chợ, thị trấn Thạch H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Đã được UBND huyện Thạch Hà đóng dấu “Đã thu hồi”. Đã được Cơ quan điều tra trả lại cho Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Hà Tĩnh, Chi nhánh Lộc Hà - Thạch Hà là đúng với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

[8] *Về án phí*: Các bị cáo là hộ cận nghèo năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị trấn Thạch H. Tại phiên tòa, cả hai bị cáo đều xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Vì vậy, C áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] *Về những nội dung khác*:

Quá trình điều tra Đặng Thị T khai nhận đã sử dụng điện thoại di động của mình lên mạng xã hội Facebook liên lạc với tài khoản có tên “Thành Lộc” để thuê làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không biết chủ tài khoản này là

ai? Địa chỉ ở đâu? Điện thoại của T cũng đã bị hỏng và đã làm mất nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Hà không thể xác định được. Đối với phụ xe ô tô khách đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và nhận tiền của Đặng Thị T do T không nhớ biển số xe ô tô khách này nên cũng không xác định được.

Đối với anh Nguyễn Khắc K là chuyên viên Văn phòng công chức Hồng Lam, tỉnh Hà Tĩnh khi tiếp nhận hồ sơ và chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng Đặng Thị T, Nguyễn Kim Đ với vợ chồng chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Tài H thì không biết đó là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với người này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Thị T, Nguyễn Kim Đ phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, 17, 38, 58 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Đặng Thị T 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 17, 38, 58 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Đặng Thị T 3 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đặng Thị T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” là 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, 17, 38, 58 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim Đ 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, 17, 38, 58 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Kim Đ 18 (mười tám) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ Điều 55 bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Kim Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” là 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Đặng Thị T và Nguyễn Kim Đ.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Tài H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Công an huyện Thạch Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Thạch Hà;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người bào chữa của bị cáo;
- Lưu Hồ sơ; VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Huệ